TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 1867/2022/HNGĐ-ST Ngày 30-12-2022 V/v Ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi - Thư ký Tòa án án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1096/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 683/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 711/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1964; địa chỉ: Đường X, Tổ Y, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1975; địa chỉ: Đường X, Tổ Y, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/7/2022 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Đình C trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn về kinh tế. Mặc dù đã được hai bên gia đình can thiệp và hòa giải nhưng bản thân không thể

kiềm chế được nỗi bức xúc khi sống chung với bị đơn. Mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được nên vợ chồng từng gửi đơn ly hôn đến Tòa án vào tháng 5 năm 2022, sau đó nguyên đơn xin rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn. Sau khi rút đơn, nguyên đơn và bị đơn vẫn không thể giải quyết được mâu thuẫn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa, đến nay vợ chồng cũng đã sống ly thân kể từ khi nguyên đơn nộp đơn ly hôn lần thứ hai nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 3 con chung tên: Nguyễn Đức L, sinh năm 2002 (đã trưởng thành), Nguyễn Huỳnh Anh T, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) và Nguyễn Đức H, sinh ngày 22/01/2013. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức H, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Huỳnh Thị L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

1.Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc ông Nguyễn Đình C yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị

L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 175, quyển số 01 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 08 năm 2002 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Đình C và bà Huỳnh Thị L là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào bản tự khai và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện mâu thuẫn gia đình giữa nguyên đơn và bị đơn đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã nhiều lần phân tích, động viên nguyên đơn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn cho rằng không thể tiếp tục sống chung và yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Hơn nữa, từ khi nộp đơn ly hôn đến nay nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân, bị đơn không còn liên lạc với gia đình, cũng không một lần về thăm con. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ bị đơn không còn quan tâm xây dựng hạnh phúc gia đình và không có thiện chí, mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương tôn trọng lẫn nhau, thống nhất với nhau về suy nghĩ và quan điểm sống. Các bên phải quý trọng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chia sẻ, bàn bạc giải quyết các vấn đề chung thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung:

Xét yêu cầu về nuôi con của nguyên đơn: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 478, quyển số 03/2002 của Ủy ban nhân dân xã Th, huyện G, tỉnh Tiền Giang, bản sao Giấy khai sinh số 432, quyển số 03 ngày 12/12/2003 và bản sao Giấy khai sinh số 61, quyển số 01/2013 ngày 31/01/2013 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có 3 con chung tên Nguyễn Đức L, sinh năm 2002, Nguyễn Huỳnh Anh T, sinh năm 2003 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 22/01/2013. Các con chung Nguyễn Đức L và Nguyễn Huỳnh Anh T đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Con chung Nguyễn Đức H sinh năm 2013 có nguyện vọng được sống cùng với nguyên đơn, xét thấy, để trẻ H không bị xáo trộn việc sinh hoạt và học tập nên giao trẻ H cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm

sóc và giáo dục là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình C được ly hôn với bà Huỳnh Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 175, quyển số 01 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 08 năm 2002 hết hiệu lực pháp luật.

Về con chung: giao con chung Nguyễn Đức H, sinh ngày 22/01/2013 cho ông Nguyễn Đình C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đình C không yêu cầu bà Huỳnh Thị L cấp dưỡng nuôi con.

Bà Huỳnh Thị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội Liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, ông Nguyễn Đình C phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0045099 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Đình C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THA DS huyện Củ Chi;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Hoài